

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MD03237** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Thiết kế trình diễn trên máy tính**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802032529	Huỳnh Anh	31/10/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
2	2254802032530	Nguyễn Thị Đào	13/01/2007			9	8.5	9.0	9.0			8.8		8.8
3	2254802032531	Thái Thị Huỳnh	23/12/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
4	2254802032532	Nguyễn Minh Khang	19/08/2007			6	9	9.0	9.0			8.3		8.4
5	2254802032533	Phạm Nguyễn Cẩm Ly	22/05/2007			8.5	8.5	9.0	8.5			8.8		8.7
6	2254802032534	Lê Thị Kim Ngân	27/02/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
7	2254802032535	Hồ Ngọc Như	29/07/2007			8.5	8	8.5	9.0			9.8		9.3
8	2254802032536	Huỳnh Tấn Phát	14/10/2007			7	8	8.0	8.0			6.3		6.9
9	2254802032537	Phạm Hồng Phát	20/11/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
10	2254802032538	Mai Văn Phúc	25/06/2005			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2254802032539	Lê Hồng Sang	21/07/2007			8	6	8.0	8.0			8.5		8.2
12	2254802032540	Phạm Tấn Sang	23/01/2007			9	9	8.5	8.5			8.8		8.7
13	2254802032541	Trần Văn Sơn	13/07/1999			9	9	9.5	10.0			9.5		9.5
14	2254802032542	Trần Thị Diệu Tâm	06/06/2007			8	9	6.0	6.0			0.0		2.7
15	2254802032543	Văn Thị Bé Thanh	28/02/2007			7	8	8.0	9.5			7.0		7.5
16	2254802032544	Lê Thị Thu Thảo	14/01/2007			6	8.5	8.0	9.0			8.8		8.5
17	2254802032545	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	11/12/2007			8	8.5	9.0	6.0			7.5		7.6
18	2254802032546	Nguyễn Kiều Trang	05/01/2007			7	8	8.0	9.0			8.3		8.2
19	2254802032547	Nguyễn Quốc Trung	10/10/2007			8	8	9.5	6.0			9.0		8.5
20	2254802032548	Nguyễn Thị Thủy Vy	17/11/2007			8	8	6.0	6.0			0.0		2.7
21	2254802032549	Lê Ngọc Trung Hiếu	05/08/2006			9.5	9.5	9.0	10.0			9.8		9.7
22	2254802032550	La Thị Lan Tường	27/05/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
23	2254802032551	Nguyễn Trọng Nguyên	07/12/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 26 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Phong